TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĐ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2024/QĐST-HNGĐ	*NĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm: 1990; Nơi thường trú: Thị trấn KK, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trần Bá Q, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Phường HS, TP H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi tạm trú: Phường HN, TX TU, tỉnh Bình Dương.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 19/9/2014 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Hoàng Thị M: Bà Cao Thị Thương là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1990 và anh Trần Bá Q, sinh năm 1988.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Hoàng Thị M và anh Trần Bá Q có 01 người con chung là giao cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 19/9/2024. Sau khi ly hôn, hai bên đã thống nhất thỏa thuận là giao cháu Trần Bảo Tr cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Trần Bá Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Bảo Tr đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Trần Bá Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Hoàng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Bá Q chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh Q còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị M và anh Trần Bá Q đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M và anh Trần Bá Q đã tự nguyện thoả thuận với nhau là chị M phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm chị M phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002324 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; (Đăng ký kết hôn ngày 29/9/2014)
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh